

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần FECON trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần FECON (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, lần thứ 20 ngày 06 tháng 05 năm 2016 về việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON thành Công ty Cổ phần FECON.

Vốn điều lệ của công ty: 457.228.540.000 VND (Bốn trăm năm mươi bảy tỷ, hai trăm hai mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng.)

Công ty niêm yết cổ phiếu lần đầu theo Quyết định số 98/2012/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh ngày 18/7/2012 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: FCN.

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Các Công ty con được hợp nhất gồm:

Các Công ty con của Công ty Cổ phần FECON là Công ty TNHH xử lý nền đất yếu FECON- Shanghai Harbour, Công ty Cổ phần FECON Miltec, Viện nền móng và công trình ngầm, Trường PTTH Ý Yên, Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON, Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Thông minh FECON.

Công ty TNHH xử lý nền đất yếu FECON - Shanghai Harbour hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011022000246 ngày 25 tháng 09 năm 2009 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp. Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần xử lý nền FECON Shanghai Harbour theo giấy chứng nhận đầu tư số 011032002204 ngày 17 tháng 01 năm 2014. Trong đó, Công ty Cổ phần FECON góp 2.537.250 USD (Hai triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đô la Mỹ), chiếm 50.5% vốn điều lệ, góp bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, văn phòng; Công ty TNHH tập đoàn xây dựng hạ tầng vịnh cảng Thượng Hải góp 2.450.000 USD (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đô la Mỹ), chiếm 49% vốn điều lệ, góp bằng tiền mặt và máy móc thiết bị; ông Nguyễn Chí Công góp 25.000 USD (Hai mươi lăm nghìn đô la Mỹ) chiếm 0,5% vốn điều lệ, góp vốn bằng tiền mặt.

Công ty Cổ phần FECON MILTEC hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 502032000190 ngày 21/11/2011 của Ban Quản lý khu kinh tế Tỉnh Long An. Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 50,29% vốn điều lệ và có quyền kiểm soát, chi phối doanh nghiệp.

Viện Nền móng và Công trình ngầm được thành lập theo Quyết định số 090905/QĐ/HĐQT-FECON ngày 01 tháng 10 năm 2009 và được Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số 262/ĐK-KH&CN lần đầu ngày 19/01/2010; thay đổi đăng ký lần thứ ba (03) ngày 18/05/2011, thay đổi đăng ký lần thứ năm (05) ngày 01/10/2012. Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Trường PTTH Ý Yên chuyển đổi từ Trường phổ thông dân lập (thành lập theo Quyết định số 995/1998/QĐ-UB ngày 28 tháng 07 năm 1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định) thành Trường Trung học phổ thông tư thục theo Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định. Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần FECON.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON tiền thân là Công ty Cổ phần Fecon Holdings, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106393689 ngày 18/12/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 3 ngày 01/12/2014 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật. Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 63,89% vốn thực góp. Hợp nhất hai Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON là Công ty Cổ phần FECON Phú Quốc và Công ty Cổ phần Fecon - BMT.

Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON, được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 011032002731 do UBND Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2014. Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 58,52% vốn thực góp.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp thông minh FECON, được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107254215 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/12/2015 Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 62,77% vốn thực góp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch
	Ông Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch
	Ông Trần Trọng Thắng	Ủy viên
	Ông Hà Thế Lộc	Ủy viên
	Ông Phạm Quốc Hùng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Quang Hải	Ủy viên
	Ông Hà Cửu Long	Ủy viên
	Ông Phùng Tiến Trung	Ủy viên
	Ông Takano Satoshi	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Trần Trọng Thắng	Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Quốc Hùng	Giám đốc Kỹ thuật
	Ông Nguyễn Hồng Luyện	Giám đốc Kế hoạch & Thiết bị
	Ông Nguyễn Văn Thanh	Giám đốc Kinh doanh
	Ông Lê Dũng	Giám đốc khối QLTC (miễn nhiệm ngày 18/05/2016)
	Ông Đỗ Trần Nam	Giám đốc Phát triển thị trường nước ngoài (miễn nhiệm ngày 27/01/2016)
	Ông Tạ Công Thanh Vinh	Giám đốc Kỹ thuật (miễn nhiệm ngày 25/6/2016)
	Ông Haruo Ishiguro	Giám đốc Marketing
	Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	Giám đốc Truyền thông

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016 được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Nguyễn Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, *N*



Trần Trọng Thắng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2016

Số: 543/2016/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần FECON**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần FECON, được lập ngày 28 tháng 7 năm 2016, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Vũ Ngọc An****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 15/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

	MS	TM	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.043.703.811.772	1.957.306.281.027
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	187.737.607.397	299.722.576.376
1. Tiền	111		124.791.793.026	235.956.411.693
2. Các khoản tương đương tiền	112		62.945.814.371	63.766.164.683
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		646.800.000	646.800.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		646.800.000	646.800.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.048.453.809.089	1.070.740.068.909
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	825.526.011.914	916.748.537.002
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		110.847.332.191	83.075.077.026
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	115.843.592.135	74.666.514.032
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(3.763.127.151)	(3.750.059.151)
IV. Hàng tồn kho	140		604.688.376.628	388.961.583.830
1. Hàng tồn kho	141	5.5	604.688.376.628	388.961.583.830
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		202.177.218.658	197.235.251.912
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.305.980.365	1.090.966.942
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		55.732.339.965	35.230.769.415
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	1.494.908	61.263.528
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		145.137.403.420	160.852.252.027
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.091.733.508.262	992.545.928.153
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.632.501.664	3.734.222.064
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	3.632.501.664	3.734.222.064
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		687.632.276.969	660.170.512.742
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	270.931.272.605	235.282.889.912
- Nguyên giá	222		456.012.179.151	401.715.352.121
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(185.080.906.546)	(166.432.462.209)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	171.200.303.019	178.522.228.517
- Nguyên giá	225		222.132.853.035	222.132.853.035
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(50.932.550.016)	(43.610.624.518)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	245.500.701.345	246.365.394.313
- Nguyên giá	228		251.990.981.696	251.909.931.476
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.490.280.351)	(5.544.537.163)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		69.577.843.223	33.583.097.617
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	69.577.843.223	33.583.097.617
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	300.396.379.580	267.188.186.463
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		209.042.129.580	203.188.186.463
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		91.354.250.000	64.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		30.494.506.826	27.869.909.267
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	28.924.819.634	26.300.222.075
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.569.687.192	1.569.687.192
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		3.135.437.320.034	2.949.852.209.180

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

	MS	TM	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		2.151.965.131.307	1.954.122.482.882
I. Nợ ngắn hạn	310		1.344.574.823.514	1.295.266.205.505
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	378.889.123.644	328.078.635.167
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		249.701.239.014	271.239.978.876
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	13.284.967.202	32.706.403.865
4. Phải trả người lao động	314		8.206.128.479	3.696.795.418
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	139.365.055.842	202.260.998.223
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		40.038.400	40.038.400
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	69.346.013.003	40.959.413.797
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	482.099.114.191	414.791.060.857
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.643.143.739	1.492.880.902
II. Nợ dài hạn	330		807.390.307.793	658.856.277.377
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		466.610.324	466.610.324
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	302.043.899.958	285.424.869.542
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	5.17	500.000.000.000	368.085.000.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		4.879.797.511	4.879.797.511
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		983.472.188.727	995.729.726.298
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	983.472.188.727	995.729.726.298
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		457.228.540.000	457.228.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		457.228.540.000	457.228.540.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.538.983.821	34.538.983.821
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		113.199.476.401	62.896.154.025
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		159.519.714.855	221.860.693.062
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		114.226.965.940	84.619.351.486
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45.292.748.915	137.241.341.576
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		218.985.473.650	219.205.355.390
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.135.437.320.034	2.949.852.209.180
(440 = 300+400)				

Người lập

Phan Vương Cường

Kế toán trưởng

Trương Tuấn Tú

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2016

Tổng Giám đốc ✓



Trần Trọng Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu B 02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	644.227.479.240	543.308.995.625
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		644.227.479.240	543.308.995.625
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	522.802.413.828	443.364.851.332
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		121.425.065.412	99.944.144.293
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	50.627.997.659	21.279.173.818
7. Chi phí tài chính	22	5.22	72.694.676.305	24.877.649.350
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.931.287.055	22.789.054.258
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		11.196.214.798	9.809.307.781
9. Chi phí bán hàng	25	5.23	5.246.172.432	7.226.767.777
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	51.600.845.473	35.765.228.034
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		53.707.583.659	63.162.980.731
12. Thu nhập khác	31	5.24	2.833.033.060	22.005.214.891
13. Chi phí khác	32	5.24	921.270.528	24.539.402.412
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.24	1.911.762.532	(2.534.187.521)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		55.619.346.191	60.628.793.210
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	10.326.597.276	7.374.856.696
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	87.630.419
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		45.292.748.915	53.166.306.095
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		44.446.672.295	52.223.679.179
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		846.076.620	942.626.916
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	972	1.142

Người lập

Phan Vương Cường

Kế toán trưởng

Trương Tuấn Tú

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2016

Tổng Giám đốc

Trần Trọng Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU B 03a-DN/HN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		55.619.346.191	60.628.793.210
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		27.294.673.012	31.733.955.176
- Các khoản dự phòng	03		13.068.000	(1.002.952.125)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(444.555.455)	(150.692.323)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.190.327.924)	(20.777.363.077)
- Chi phí lãi vay	06		34.931.287.055	22.789.054.258
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		104.223.490.879	93.220.795.119
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.933.110.290	140.348.126.505
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(215.726.792.798)	(188.783.149.130)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6.968.015.537)	(128.130.795.676)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.839.610.982)	(2.986.729.566)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(34.931.287.055)	(22.789.054.258)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(23.519.579.881)	(33.097.769.014)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	19.293.249.607
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(17.714.404.992)	(43.048.174.083)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(195.543.090.076)	(165.973.500.496)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(124.672.912.259)	(78.822.764.417)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		771.107.909	21.321.683.210
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(33.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		36.694.158.981	7.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(45.873.231.250)	(121.482.756.066)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		31.900.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.896.913.966	11.376.237.398
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(132.283.962.653)	(160.607.599.875)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
3. Tiền thu từ cho vay	33		641.817.351.228	534.199.969.723
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(403.592.055.617)	(221.125.687.721)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(22.383.211.861)	(19.364.263.364)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		215.842.083.750	293.710.018.638
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(111.984.968.979)	(32.871.081.733)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		299.722.576.376	236.575.321.193
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		187.737.607.397	203.704.239.460